

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG
DN: C=VN, L="Cảng Tân cảng - Cát Lái,
Phường Cát Lái, Thành Phố Thủ Đức,
Thành Phố Hồ Chí Minh",
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0309532497, O=CÔNG TY CỔ PHẦN KHO
VẬN TÂN CẢNG,
E=vanntt@saigonnewport.com.vn,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN
CẢNG
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-03-03 15:21:05
Foxit Reader Version: 9.6.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (sau đây gọi là “nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 08 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật, trong đó lần thứ 08 vào ngày 03 tháng 5 năm 2024 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Phi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2024
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Thanh Trường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Đỗ Thanh Trường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc

Đỗ Thanh Trường

Ngày 24 tháng 02 năm 2025



Số:2.0091/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		449.451.040.505	409.909.722.011
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	80.797.575.111	151.338.088.714
1. Tiền	111		45.797.575.111	46.338.088.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	105.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.500.000.000	135.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	160.500.000.000	135.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.418.139.117	99.385.632.698
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	178.600.133.085	88.839.214.525
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.355.896.553	5.755.682.069
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.648.157.229	11.763.182.607
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.186.047.750)	(6.972.446.503)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		7.801.558.466	7.769.186.971
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7.801.558.466	7.769.186.971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.933.767.811	16.416.813.628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	11.884.210.755	12.860.058.565
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.998.393.788	3.486.284.282
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	51.163.268	70.470.781
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204.046.732.544	206.532.413.598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000.000	15.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	16.000.000.000	15.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		155.712.062.330	166.251.360.954
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	141.648.955.350	153.560.984.500
Nguyên giá	222		770.361.250.328	753.384.186.820
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(628.712.294.978)	(599.823.202.320)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.063.106.980	12.690.376.454
Nguyên giá	228		32.697.642.875	25.666.221.325
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.634.535.895)	(12.975.844.871)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		51.412.844	51.412.844
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		51.412.844	51.412.844
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.249.834.882	2.594.902.331
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	6.249.834.882	2.594.902.331
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		26.033.422.488	22.634.737.469
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	25.058.267.352	21.902.656.955
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	975.155.136	732.080.514
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		653.497.773.049	616.442.135.609

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		281.335.344.376	251.432.937.602
I. Nợ ngắn hạn	310		266.703.531.395	225.824.943.895
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	97.299.619.998	70.635.306.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		45.282.683	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	17.041.632.796	14.171.874.320
4. Phải trả người lao động	314		67.593.754.193	50.110.698.421
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.993.622.553	6.645.451.686
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	13.469.846.077	13.657.256.542
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	9.766.555.768	14.757.200.342
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	51.493.217.327	55.847.156.441
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.631.812.981	25.607.993.707
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	8.766.612.981	8.854.112.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	5.865.200.000	16.753.880.726
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		372.162.428.673	365.009.198.007
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	372.162.428.673	365.009.198.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.492.025.332	81.594.573.298
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.118.115.347	50.804.789.417
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.928.891.328	50.804.789.417
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.189.224.019	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		31.642.087.994	32.699.635.292
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		653.497.773.049	616.442.135.609

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.059.622.547.008	929.059.794.571
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.059.622.547.008	929.059.794.571
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	806.291.822.691	707.014.811.231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		253.330.724.317	222.044.983.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.329.697.502	12.298.599.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.584.027.093	2.782.909.018
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.421.775.223	2.682.698.959
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V2.b	54.932.551	(289.010.765)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	41.023.223.828	33.291.209.225
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	83.765.272.033	75.821.887.248
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		135.342.831.416	122.158.566.927
12. Thu nhập khác	31	VI.7	360.810.366	7.601.061.307
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.184.673.284	3.097.475.854
14. Lợi nhuận khác	40		(823.862.918)	4.503.585.453
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		134.518.968.498	126.662.152.380
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		32.185.617.399	28.960.516.195
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(243.074.622)	289.768.360
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		102.576.425.721	97.411.867.825
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		96.547.208.034	89.484.221.470
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.029.217.687	7.927.646.355
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.629	2.733
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.629	2.733

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		134.518.968.498	126.662.152.380
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	35.265.901.736	37.364.518.920
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	213.601.247	1.298.947.616
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		25.826.327	(19.752.886)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.865.135.221)	(18.595.003.303)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.421.775.223	2.682.698.959
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163.580.937.810	149.393.561.686
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.038.416.862)	478.564.363
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(32.371.495)	(2.118.089.647)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		44.973.437.199	23.384.665.396
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.179.762.587)	(4.072.887.472)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.437.231.188)	(2.688.804.608)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(30.248.152.249)	(20.241.374.397)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	9.000.000	15.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(50.255.890.169)	(21.207.706.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.371.550.459	122.942.928.852
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20.350.011.078)	(35.290.231.419)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(774.318)	7.221.212.126
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(302.000.000.000)	(205.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		276.500.000.000	195.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(3.600.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.050.178.083	11.973.070.937
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.400.607.313)	(25.395.948.356)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.16	-	10.664.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.16	(15.879.325.300)	(37.293.656.763)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(49.640.851.130)	(48.211.564.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(65.520.176.430)	(74.841.221.663)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(70.549.233.284)	22.705.758.833
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	151.338.088.714	128.614.313.716
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.719.681	18.016.165
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	80.797.575.111	151.338.088.714

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Đã lập, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	Số 1295B, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty có 672 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 654 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của nhóm Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, được bảo quản ở tình trạng tốt và không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm bao gồm chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo thời gian trên giấy chứng nhận bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu nhóm Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí nhóm Công ty phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.219.447.162	1.324.178.313
Tiền gửi ngân hàng	44.578.127.949	45.013.910.401
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	35.000.000.000	105.000.000.000
Cộng	80.797.575.111	151.338.088.714

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 – 9 tháng, lãi suất từ 3,9% - 5,1%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	3.600.000.000	22.687.705	3.622.687.705	3.600.000.000	(1.005.097.669)	2.594.902.331
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	3.600.000.000	(972.852.823)	2.627.147.177	-	-	-
Cộng	7.200.000.000	(950.165.118)	6.249.834.882	3.600.000.000	(1.005.097.669)	2.594.902.331

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	360.000	36,00%	360.000	40%
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	360.000	36,00%	-	-

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	2.594.902.331	-	1.027.785.374	3.622.687.705
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	-	3.600.000.000	(972.852.823)	2.627.147.177
Cộng	2.594.902.331	3.600.000.000	54.932.551	6.249.834.882

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa nhóm Công ty với công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	615.631.716	-
Sử dụng dịch vụ cho Công ty liên kết	10.446.452.763	-
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng		
Góp vốn vào Công ty liên kết	3.600.000.000	-
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	306.412.000	-
Sử dụng dịch vụ cho Công ty liên kết	306.200.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	116.438.987.233	29.107.883.377
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	112.872.565.152	26.942.467.487
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	516.390.332	-
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	168.412.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	78.616.926	56.552.040
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.485.668.000	1.104.629.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	112.327.560	125.661.510
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	223.383.000	193.480.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	220.431.366	458.439.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	-	2.782.020
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	29.376.000	223.872.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	351.000	-
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	731.465.897	-
Phải thu các khách hàng khác	62.161.145.852	59.731.331.148
Cộng	178.600.133.085	88.839.214.525

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	796.857.600	1.801.227.243
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	796.857.600	1.728.356.403
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	72.870.840
Trả trước cho người bán khác	1.559.038.953	3.954.454.826
Công ty TNHH Xây dựng Lê Bảo Ngọc	400.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ khí Asean	-	2.781.200.000
Các nhà cung cấp khác	1.159.038.953	1.173.254.826
Cộng	2.355.896.553	5.755.682.069

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.334.458.145	-	2.089.137.950	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Các khoản chi hộ	2.310.047.841	-	2.083.337.950	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - Các khoản chi hộ	5.800.000	-	5.800.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân cảng Thạnh Phước - Các khoản chi hộ	18.610.304	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.313.699.084 (376.164.446)		9.674.044.657 (375.959.956)	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.860.756.439	-	2.099.957.534	-
Ký cược, ký quỹ	345.000.000	-	230.700.000	-
Tạm ứng	3.678.148.837	-	3.101.024.997	-
Các khoản chi hộ	3.701.919.842 (376.164.446)		3.714.433.021 (375.959.956)	
Các khoản phải thu khác	727.873.966	-	527.929.105	-
Cộng	12.648.157.229 (376.164.446)		11.763.182.607 (375.959.956)	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hiệp Lực – Đặt cọc tiền thuê đất (Xem thuyết minh VII.1)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hai Hai Mười Hai - Đặt cọc tiền thuê đất	1.000.000.000	-	-	-
Cộng	16.000.000.000	-	15.000.000.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu	Trên 3 năm	441.997.000	(441.997.000)	441.997.000	(441.997.000)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)	2.972.614.417	(2.972.614.417)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Trung Phát	Trên 3 năm	1.214.976.609	(1.214.976.609)	1.214.976.609	(850.483.626)
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hiệp Toàn	Trên 3 năm	721.400.000	(721.400.000)	721.400.000	(721.400.000)
Các khách hàng khác		1.938.428.498	(1.835.059.724)	2.151.036.150	(1.985.951.460)
Cộng		7.289.416.524	(7.186.047.750)	7.502.024.176	(6.972.446.503)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.972.446.503	5.673.498.887
Trích lập dự phòng bổ sung	632.946.447	1.380.030.116
Hoàn nhập dự phòng	(419.345.200)	(81.082.500)
Số cuối năm	7.186.047.750	6.972.446.503

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.874.878.216	7.254.369.076
Công cụ, dụng cụ	540.882.144	406.008.141
Hàng hóa	385.798.106	108.809.754
Cộng	7.801.558.466	7.769.186.971

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.168.306.509	5.183.912.076
Chi phí sửa chữa	4.903.890.192	5.362.546.809
Chi phí bảo hiểm	5.313.904.334	1.536.865.930
Các chi phí khác	498.109.720	776.733.750
Cộng	11.884.210.755	12.860.058.565

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.101.104.462	4.982.602.772
Chi phí sửa chữa	20.200.352.227	14.901.194.874
Các chi phí khác	1.756.810.663	2.018.859.309
Cộng	25.058.267.352	21.902.656.955

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình							
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	
Nguyên giá							
Số đầu năm	172.530.944.551	290.048.859.882	223.796.425.328	8.363.925.143	58.644.031.916		753.384.186.820
Mua trong năm	-	268.000.000	17.633.518.521	2.008.800.125	3.257.730.348		23.168.048.994
Thanh lý nhượng bán	(258.148.190)	(2.671.795.581)	-	(2.663.458.691)	(597.583.024)		(6.190.985.486)
Số cuối năm	172.272.796.361	287.645.064.301	241.429.943.849	7.709.266.577	61.304.179.240		770.361.250.328
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.664.465.772	161.869.016.152	187.763.124.238	2.159.967.052	44.230.609.898		444.687.183.112
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-		-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	99.486.079.766	244.103.861.531	197.947.908.740	5.205.073.017	53.080.279.266		599.823.202.320
Khấu hao trong năm	8.463.269.565	15.133.838.203	8.085.034.684	972.095.282	2.425.840.410		35.080.078.144
Thanh lý nhượng bán	(258.148.190)	(2.671.795.581)	-	(2.663.458.691)	(597.583.024)		(6.190.985.486)
Số cuối năm	107.691.201.141	256.565.904.153	206.032.943.424	3.513.709.608	54.908.536.652		628.712.294.978
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	73.044.864.785	45.944.998.351	25.848.516.588	3.158.852.126	5.563.752.650		153.560.984.500
Số cuối năm	64.581.595.220	31.079.160.148	35.397.000.425	4.195.556.969	6.395.642.588		141.648.955.350
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-		-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 29.017.473.278 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	25.666.221.325	(12.975.844.871)	12.690.376.454
Mua trong năm	7.031.421.550	-	7.031.421.550
Khấu hao trong năm	-	(5.658.691.024)	(5.658.691.024)
Số cuối năm	32.697.642.875	(18.634.535.895)	14.063.106.980

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 9.315.401.930 VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	732.080.514	1.021.848.874
Phát sinh trong năm	975.155.136	732.080.514
Hoàn nhập trong năm	(732.080.514)	(1.021.848.874)
Số cuối năm	975.155.136	732.080.514

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, do phát sinh nhỏ.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	29.317.061.059	15.079.295.827
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.439.902.740	757.691.138
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	9.800.464.964	6.604.925.844
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	8.543.651.200	5.132.407.384
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	1.052.831.748	81.825.062
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	5.956.200	7.471.440
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	675.015.012	620.800.400
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.762.581.060	1.043.147.360
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	3.745.927.376	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	20.172.240	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	382.151.520	166.737.960
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	504.235.879	374.868.439

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	7.668.000	1.860.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	374.727.600	198.882.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	-	88.678.800
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	1.775.520	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	67.982.558.939	55.556.010.316
Công ty Cổ phần Hai Hai Mười Hai	21.171.448.122	11.156.122.114
Các nhà cung cấp khác	46.811.110.817	44.399.888.202
Cộng	97.299.619.998	70.635.306.143

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	614.288.433	-	34.197.331.965	(33.951.298.249)	860.322.149	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.582.805.581	-	32.185.617.399	(30.248.152.249)	13.520.270.731	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên tham gia BCC	-	-	675.510.355	(675.510.355)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.974.780.306	57.813.140	15.009.155.228	(14.303.588.105)	2.661.039.916	38.505.627
Thuế nhà thầu	-	-	263.710.220	(263.710.220)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.657.641	185.541.018	(185.541.018)	-	12.657.641
Cộng	14.171.874.320	70.470.781	82.524.866.185	(79.635.800.196)	17.041.632.796	51.163.268

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8 % và 10%
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.047.162.500</i>	<i>1.435.299.045</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	1.829.144.000	1.313.585.934
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	79.769.000	119.505.111
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	408.000	2.208.000
- Chi phí nâng hạ		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	17.529.000	-
- Chi phí nâng hạ		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	89.038.000	-
- Chi phí xếp dỡ		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	31.274.500	-
- Chi phí nâng hạ, trung chuyển		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.946.460.053</i>	<i>5.210.152.641</i>
Chi phí lãi vay phải trả	28.322.655	43.778.620
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	2.728.432.143	3.423.886.912
Chi phí hoa hồng	865.329.783	771.647.775
Chi phí sửa chữa	1.191.173.410	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.133.202.062	970.839.334
Cộng	9.993.622.553	6.645.451.686

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.420.066.631</i>	<i>846.214.970</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	1.395.800.631	846.214.970
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	24.266.000	-
- Các khoản thu chi hộ		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>12.049.779.446</i>	<i>12.811.041.572</i>
Kinh phí công đoàn	1.371.681.218	1.216.185.542
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.945.105.440	1.667.458.132
Nhận ký quỹ, ký cược	1.674.152.383	2.133.645.001
Cổ tức phải trả	2.578.118.720	2.688.725.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.480.721.685	5.105.027.047
Cộng	13.469.846.077	13.657.256.542

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.621.612.981</i>	<i>8.621.612.981</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh ^(*)	8.621.612.981	8.621.612.981
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>145.000.000</i>	<i>232.500.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	145.000.000	232.500.000
Cộng	8.766.612.981	8.854.112.981

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận sau thuế sẽ được chia cho các bên theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.16b)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	9.766.555.768	12.103.554.626
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	214.285.716
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	-	2.439.360.000
Cộng	9.766.555.768	14.757.200.342

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.757.200.342	16.637.572.027
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	10.888.680.726	15.989.907.556
Số tiền vay đã trả	(15.879.325.300)	(17.870.279.241)
Số cuối năm	9.766.555.768	14.757.200.342

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	5.865.200.000	16.753.880.726

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) vay theo các hợp đồng vay trong năm 2015, 2018, 2023 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất các khoản vay trong năm từ 6,8% - 10,30%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (Công ty con) vay theo các hợp đồng ký kết năm 2019 và năm 2020 để mua các tài sản cố định (xe đầu kéo, cầu gắp container), thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất trong năm từ 11,00% - 11,50%. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	9.766.555.768	14.757.200.342
Trên 1 năm đến 5 năm	5.865.200.000	16.753.880.726
Trên 5 năm	-	-
Cộng	15.631.755.768	31.511.081.068

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.753.880.726	41.503.165.804
Số tiền vay phát sinh	-	10.664.000.000
Số tiền vay đã trả	-	(19.423.377.522)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(10.888.680.726)	(15.989.907.556)
Số cuối năm	5.865.200.000	16.753.880.726

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng người quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	15.845.075.085	39.034.372.544	967.708.812	55.847.156.441
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	21.407.302.382	22.997.107.485	1.488.541.188	45.892.951.055
Tăng khác	9.000.000	-	-	9.000.000
Chi quỹ trong năm	(16.535.750.000)	(32.501.390.169)	(1.218.750.000)	(50.255.890.169)
Số cuối năm	20.725.627.467	29.530.089.860	1.237.500.000	51.493.217.327

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CANG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm	199.910.200.000	71.272.307.224	50.493.849.105	31.048.871.397	352.725.227.726
Lợi nhuận trong năm	-	-	89.484.221.470	7.927.646.355	97.411.867.825
Chia cổ tức	-	-	(43.980.244.000)	(4.530.000.000)	(48.510.244.000)
Công ty mẹ tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	8.519.010.335	(41.209.859.354)	-	(32.690.849.019)
Công ty mẹ trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(61.144.570)	-	(61.144.570)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	509.854.398	(817.797.798)	(295.867.188)	(603.810.588)
Công ty con tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	1.293.401.341	(3.104.235.436)	(1.451.015.272)	(3.261.849.367)
Số dư cuối năm	199.910.200.000	81.594.573.298	50.804.789.417	32.699.635.292	365.009.198.007
Năm nay					
Số dư đầu năm	199.910.200.000	81.594.573.298	50.804.789.417	32.699.635.292	365.009.198.007
Lợi nhuận trong năm	-	-	96.547.208.034	6.029.217.687	102.576.425.721
Chia cổ tức	-	-	(43.980.244.000)	(5.550.000.000)	(49.530.244.000)
Công ty mẹ tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	9.619.724.229	(52.216.998.293)	-	(42.597.274.064)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	(460.000.000)	104.345.911	(319.902.519)	(675.556.608)
Công ty con tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	737.727.805	(2.140.985.722)	(1.216.862.466)	(2.620.120.383)
Số dư cuối năm	199.910.200.000	91.492.025.332	49.118.115.347	31.642.087.994	372.162.428.673

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	199.910.200.000	199.910.200.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Nhóm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2024 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Công ty mẹ	Công ty con	
		Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
Phân phối lợi nhuận năm trước			
✓ Chia cổ tức cho các cổ đông	43.980.244.000	9.600.000.000	3.000.000.000
✓ Trích lập các quỹ			
• Quỹ đầu tư phát triển	-	(800.000.000)	-
• Quỹ khen thưởng	-	-	99.583.524
• Quỹ phúc lợi	-	71.080.299	253.851.596
• Quỹ thưởng người quản lý	-	100.000.000	151.041.188
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay			
• Trích quỹ đầu tư phát triển	9.619.724.229	830.715.721	509.933.852
• Trích quỹ khen thưởng	20.699.687.347	415.357.860	600.302.999
• Trích quỹ phúc lợi	21.260.086.717	415.357.860	589.101.665
• Trích quỹ thưởng người quản lý	637.500.000	200.000.000	400.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 58.907,78 USD (số đầu năm là 302.698,31 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	518.188.837	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.059.104.358.171	929.059.794.571
Cộng	1.059.622.547.008	929.059.794.571

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty. Tân Cảng Sài Gòn	461.095.360.428	418.047.725.480
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	6.360.542.169	2.152.206.112
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	3.090.910
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	544.127.250	1.078.534.200
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	718.424.500	1.053.752.750
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	1.261.465.897	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	9.000.000	17.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	-	2.800.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	37.220.370	40.332.611
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	37.373.148	331.376.515
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	1.707.590.423	1.820.481.437
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	-	8.490.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	415.345.000	448.118.182
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Tân Cảng	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	14.500.000	10.200.000
Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Tân Cảng	626.412.963	-
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.678.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	495.666.061	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	805.796.156.630	707.014.811.231
Cộng	806.291.822.691	707.014.811.231

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	7.810.976.988	11.924.820.973
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	510.578.062	336.102.937
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.142.452	37.675.933
Cộng	8.329.697.502	12.298.599.843

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.421.775.223	2.682.698.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	128.283.091	82.287.012
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	33.968.779	17.923.047
Cộng	1.584.027.093	2.782.909.018

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.053.992.609	24.515.390.920
Các chi phí khác	12.969.231.219	8.775.818.305
Cộng	41.023.223.828	33.291.209.225

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.937.140.519	19.110.956.217
Chi phí vật liệu quản lý	1.923.028.711	1.164.640.994
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.303.315.652	1.747.508.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.056.397.500	944.765.699
Thuế, phí và lệ phí	199.371.146	198.818.672
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	213.601.247	1.298.947.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.927.986.879	6.100.646.929
Các chi phí khác	49.204.430.379	45.255.602.560
Cộng	83.765.272.033	75.821.887.248

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	6.959.193.095
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	317.383.870	331.650.807
Thu bồi thường thiệt hại	41.486.730	267.905.315
Các khoản thu nhập khác	1.939.766	42.312.090
Cộng	360.810.366	7.601.061.307

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi thường tiết kiệm nhiên liệu	324.365.543	356.790.841
Chi phí bồi thường thiệt hại	-	537.762.384
Phạt vi phạm hợp đồng (thanh toán nợ vay trước hạn)	15.107.143	929.378.945
Thuế bị phạt, bị truy thu	660.131.329	411.159.900
Lỗ thanh lý vật tư/ tài sản cố định	774.318	364.742.879
Các khoản chi phí khác	184.294.951	497.640.905
Cộng	1.184.673.284	3.097.475.854

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	732.080.514	1.021.848.874
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(975.155.136)	(732.080.514)
Cộng	(243.074.622)	289.768.360

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	96.547.208.034	89.484.221.470
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(44.000.531.982)	(34.857.337.203)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ người quản lý	(44.000.531.982)	(34.857.337.203)
+ Tại Công ty mẹ	(42.597.274.064)	(32.690.849.019)
+ Tại các Công ty con	(1.403.257.918)	(2.166.488.184)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	52.546.676.052	54.626.884.267
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.991.020	19.991.020
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.629	2.733

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2024. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.750 VND xuống còn 2.733 VND.

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.603.752.933	92.124.630.262
Chi phí nhân công	245.262.687.538	221.779.777.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.265.901.736	37.364.518.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	443.926.226.569	368.670.561.857
Chi phí khác	111.526.083.715	96.188.418.942
Cộng	930.584.652.491	816.127.907.704

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết thuê hoạt động

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn:

Theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng cảng số 1989 ngày 19 tháng 11 năm 2010, Công ty thuê cơ sở hạ tầng và các hạng mục công trình thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn nằm ở địa phận phường 22, quận Bình Thạnh và phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, thời hạn thuê là 10 năm. Hợp đồng không hủy ngang. Việc gia hạn hợp đồng thuê được tiến hành ít nhất 3 tháng trước khi hết hạn hợp đồng. Hiện tại hai bên đang thực hiện ký phụ lục hợp đồng hàng năm về thời gian và đơn giá thuê.

Tổng số tiền thuê phát sinh năm nay là 46.990.152.000 VND (năm trước là 44.142.264.000 VND).

Công ty TNHH Hiệp Lực:

Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 3 năm 2023 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Chuyển đổi tiền trả trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực thành tiền đặt cọc, số tiền 15.000.000.000 VND (Xem thuyết minh V.5b). Đơn giá thuê bao gồm cả VAT như sau:

- Giai đoạn 1, từ 01/01/2020 – 01/01/2024: đơn giá thuê là 25.000 VND/m²/tháng đối với bãi và 56.000 VND/m²/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 2, từ 02/01/2024 – 01/01/2027: đơn giá thuê là 27.500 VND/m²/tháng đối với bãi và 61.600 VND/m²/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 02/01/2027 – 01/01/2030, đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên, tuy nhiên đơn giá điều chỉnh không được vượt quá 10% so với đơn giá đã ký ở Giai đoạn 2.

Tổng số tiền thuê phát sinh năm nay là 6.755.256.000 VND (năm trước là 6.141.141.820 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt					
	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT	674.966.133	397.712.496	80.694.444	56.000.000	1.209.373.073
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HĐQT	-	-	57.638.889	60.000.000	117.638.889
Ông Đỗ Xuân Minh -Thành viên HĐQT	-	-	57.638.889	35.000.000	92.638.889
Ông Đỗ Thanh Trường -Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/4/2024)	491.037.626	227.919.033	-	40.000.000	758.956.659
Ông Trần Quang Thảo -Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 09/8/2024)	211.651.568	178.434.397	202.817.332	91.666.666	684.569.964
-Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/4/2024)					
Ông Đoàn Phi -Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	539.325.922	323.517.788	61.481.481	60.000.000	984.325.191
Ban Kiểm soát					
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga -Trưởng BKS	-	-	46.111.111	60.000.000	106.111.111
Ông Nguyễn Hồng Sơn -Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 25/4/2024)	-	-	23.055.556	10.000.000	33.055.556
Bà Nguyễn Thị Thu Hà -Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 25/4/2024)	-	-	23.055.556	10.000.000	33.055.556
Bà Nguyễn Thị Huyền -Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 25/4/2024)	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân -Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 25/4/2024)	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Ban Điều hành, quản lý					
Ông Bùi Văn Bằng - Phó Giám đốc	402.632.187	320.914.316	49.953.704	-	773.500.207
Ông Nguyễn Văn Hào - Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/9/2024)	256.155.889	200.305.805	-	-	456.461.694
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên -Kế toán trưởng	356.447.914	218.978.926	65.598.564	66.000.000	707.025.404
Cộng	2.932.217.239	1.867.782.761	668.045.526	528.666.666	5.996.712.193
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT	643.012.813	360.010.245	79.698.796	-	1.082.721.854
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HĐQT	-	-	72.108.434	60.000.000	132.108.434
Ông Đỗ Xuân Minh -Thành viên HĐQT	-	-	60.722.892	60.000.000	120.722.892
Ông Trần Quang Thảo -Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	648.969.858	473.736.931	56.927.711	154.666.667	1.334.301.167
Ông Đoàn Phi -Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	504.610.704	287.633.333	56.927.711	60.000.000	909.171.748
Ban Kiểm soát					
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga -Trưởng BKS	-	-	24.668.675	60.000.000	84.668.675
Ông Nguyễn Hồng Sơn -Thành viên BKS	-	-	13.283.133	30.000.000	43.283.133
Bà Nguyễn Thị Thu Hà -Thành viên BKS	-	-	13.283.133	30.000.000	43.283.133
Ban Điều hành, quản lý					
Ông Bùi Văn Bằng - Phó Giám đốc	510.893.457	290.759.996	49.337.349	-	850.990.802
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên -Kế toán trưởng	335.487.631	217.872.173	45.542.166	66.000.000	664.901.970
Cộng	2.642.974.463	1.630.012.678	472.500.000	520.666.667	5.266.153.808

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	11.383.120.620	9.087.708.351
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	46.990.152.000	44.142.264.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	25.953.510.000	25.953.510.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	11.716.428.957	8.245.281.843
Mua tài sản cố định	9.458.451.150	15.660.511.767

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	31.050.498.210	30.510.632.288
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	121.700.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	133.389.000	180.189.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.981.622.500	1.548.564.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.717.559.166	3.251.430.225
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	2.140.155.416	301.744.728
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.094.565.000	1.108.342.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	23.538.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	2.702.280.000	467.050.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	78.658.000	100.446.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	52.865.696	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	-	56.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	2.535.606.323	3.720.283.377
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	30.518.519	23.262.288
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	1.293.421.250	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	496.005.186	2.070.410.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	9.630.000	16.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Đỗ Thanh Trường